

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 938/TB-TTYT

Lái Thiêu, ngày 28 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc chào giá thuê đơn vị cung cấp dịch vụ Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT cho gói thầu: “Mua sắm trang phục, đồ vải cho nhân viên y tế, mẹ và bé sơ sinh năm 2026”

Kính gửi: Các Công ty/Đơn vị cung cấp

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An đang có nhu cầu thuê dịch vụ tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT cho gói thầu “Mua sắm trang phục, đồ vải cho nhân viên y tế, mẹ và bé sơ sinh năm 2026” cụ thể:

- Tên gói thầu: “Mua sắm trang phục, đồ vải cho nhân viên y tế, mẹ và bé sơ sinh năm 2026”.

- Chi phí mua sắm hàng hóa: **647.564.000 đồng**.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.

Kính mời các Công ty/Đơn vị có chức năng, năng lực, kinh nghiệm và có nhu cầu tham gia thực hiện công tác tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT cho gói thầu trên, theo thông tin như sau:

I. Danh mục dịch vụ. (Đính kèm phụ lục)

II. Hồ sơ chào phí dịch vụ tư vấn gồm:

- Báo giá chào phí dịch vụ tư vấn.
- Giấy phép đăng ký kinh doanh
- Hồ sơ năng lực.
- Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu.
- Tiến độ thực hiện công việc.

III. Hồ sơ dịch vụ tư vấn và các tài liệu liên quan xin gửi về:

- Phòng Tổ chức Hành chính-Trung tâm y tế khu vực Thuận An
- Địa chỉ: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An, đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Hồ Chí Minh.
- Email: ttytdt2024@gmail.com
- Điện thoại: 0833218844 (Ds Võ Kiến Tài)

- Thời gian nhận báo giá: 05 ngày kể từ ngày ra thông báo.

Thông báo này được đăng tải trên Website chính thức của Trung tâm y tế khu vực Thuận An; Website: trungtamytethuanan.com.vn

Trung tâm y tế khu vực Thuận An rất mong nhận được sự quan tâm của Quý Công ty/Đơn vị.

Trân trọng./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Website TTYT Thuận An;
- Lưu: VT, P.TCHC.



Phan Quang Toàn



DANH MỤC

(Đính kèm theo Thông báo số 938/TB-TTYT ngày 27 tháng 7 năm 2026)

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Khối lượng	Thông số kỹ thuật đề xuất	Ghi chú
1	Bộ đón bé chào đời vô trùng	Bộ	1200	Nón: Chất liệu: Cotton, sợi tre hoặc vải bán tổng hợp (mềm, thấm hút tốt) Size: Sơ sinh (0–3 tháng) Cân nặng phù hợp: 2.5 – 5 kg. Chu vi ~30–36 cm Thiết kế che thóp, giữ ấm đầu Tính năng: Giữ ấm, tránh bé cào xước mặt Co giãn nhẹ, an toàn da nhạy cảm Bao tay/bao chân: Chất liệu: Cotton, sợi tre hoặc vải bán tổng hợp (mềm, thấm hút tốt). Có bo chun nhẹ, hoặc Miếng dán mềm mại không siết Dài ~6–8 cm Áo sơ sinh Chất liệu: Cotton hoặc sợi tre hoặc bán tổng hợp. Kiểu áo: Áo buộc dây hoặc dán (dễ thay) Kích thước: Dài áo: 30–35 cm Ngang ngực: 22–26 cm Đặc điểm: Đường may mềm, không cộm. tã (tã dán): Chất liệu: Tã giấy: lõi siêu thấm Kích thước: NB (Newborn): 2 – 5 kg Đặc điểm: Thấm hút tốt, thoáng khí, không gây kích ứng. Lưng thun co giãn, không hằn dầu. Khăn quần: Chất liệu: Cotton hoặc sợi tre hoặc bán tổng hợp. Mềm mại, giữ ấm tốt, dịu nhẹ với da nhạy cảm. Khăn quần bé sơ sinh cần có thông số kỹ thuật tối ưu là kích thước hình vuông 100*100 cm(± 20%). Màu xanh hoặc màu hồng. Kẹp rốn: Chất liệu: Nhựa y tế (thường là	

				Polypropylene hoặc ABS), không độc, không gây kích ứng. Tiệt trùng: Thường được tiệt trùng sẵn bằng khí EO (Ethylene Oxide), dùng 1 lần. Màu sắc: Trắng, xanh hoặc vàng (tùy nhà sản xuất). Kích thước Chiều dài: Khoảng 4.5 – 6 cm Độ mở kẹp: Phù hợp với đường kính dây rốn sơ sinh (~1–2 cm) Đặc điểm kỹ thuật Có răng cưa/khía bên trong giúp giữ chặt dây rốn, không trượt. Cơ chế khóa một chiều (khóa an toàn, không mở lại sau khi kẹp). Lực kẹp ổn định, đảm bảo cầm máu hiệu quả. Thiết kế đầu bo tròn, tránh làm tổn thương da bé. - Bộ đón bé chào đời phải có Vòng tay mẹ và bé, Khăn lau bé, Khăn lau tay, Túi đồ máu hình tam giác
2	Băng mắt	Cái	400	Cấu tạo & vật liệu: Lớp ngoài: vải không dệt mềm, 4ail thiện da Lớp trong: bột xốp hoặc cotton (êm, chống áp lực) Lớp chắn sáng: vật liệu chống ánh sáng xanh (blue light) Keo dán: y tế, không gây kích ứng Mục tiêu: chặn hoàn toàn ánh sáng vào mắt nhưng vẫn thoáng khí Kích thước (phổ biến) Size M: ~34 × 14 cm Che kín vùng mắt, không lọt ánh sáng Cố định bằng dây/miếng dán quanh đầu không ép nhãn cầu (thiết kế lõm vùng mắt) Dùng 1 lần (disposable), đảm bảo vô khuẩn.
3	Áo ống	Cái	40	Cấu tạo & thiết kế Dạng ống, không tay, không cúc Ôm quanh ngực/bụng mẹ, giữ trẻ áp sát da mẹ Mép áo có bo chun mềm hoặc viền gập Có thể có: Lớp kẹp phía trước (tăng độ giữ) Túi đồ bé 2. Chất liệu: Cotton hoặc sợi tre hoặc bán tổng hợp. Tính chất:

				Co giãn 2–4 chiều Thẩm hút mồ hôi tốt Thoáng khí Không xù lông, không kích ứng da 3. Kích thước Size: Free size Vòng ngực phù hợp: ~70 – 110 cm (co giãn) Chiều cao áo (ống): ~25 – 35 cm Độ giãn tối đa: ≥ 120 – 150% kích thước ban đầu 4. Đặc tính kỹ thuật Lực ôm đủ giữ trẻ nhưng không ép lồng ngực Giữ bé ở tư thế: - Ngực áp ngực - Đầu nghiêng sang một bên Không che mặt – không cản đường thở Duy trì tiếp xúc da kề da liên tục ≥ 60 phút Phù hợp: - Sinh thường - Sinh mổ	
4	Áo Blouse bác sĩ nam, nữ	Cái	102	- Chất liệu: Cotton hoặc Kate hoặc tương đương - Màu sắc: màu trắng - Khối lượng vải (g/m²): 244.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 471 ±2 + Ngang: 229 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 618 ±2 + Ngang: 609 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 38.0 ±2 + Ngang: 46.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) + Polyester: 63.0 ±2 + Cotton: 37.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -1.6 ± 0.5 + Ngang: -0.1 ± 0.5 - Quy cách: + Áo Blu cổ Danton, dài tay, cài cúc	

				giữa, phía trước có 3 túi, chiều dài áo ngang gối, có đai ngang phía sau, có khuy cài bên công tác trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - In logo bệnh viện trên áo. - Quy cách may theo quy định của Bộ Y tế. May theo số đo của từng người.	
5	Bộ quần áo mũ điều dưỡng, nữ hộ sinh nam nữ	Bộ	132	Áo: Cotton hoặc Kate hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m²): 244.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 471 ±2 + Ngang: 229 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 618 ±2 + Ngang: 609 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 38.0 ±2 + Ngang: 46.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) + Polyester: 63.0 ±2 + Cotton: 37.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -1.6 ± 0.5 + Ngang: -0.1 ± 0.5 - Quần: Kaki hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m²): 251.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 464 ±2 + Ngang: 341 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 835 ±2 + Ngang: Sợi Filament, không có xoắn - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 84.0 ±2 + Ngang: 147.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) + Polyester: 75.0 ±2 + Rayon: 23.0 ±2 + Spandex: 2.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -0.9 ± 0.5 + Ngang: -0.3 ± 0.5 - Quy cách:	

				- Áo: áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. - Quần: quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ: Theo màu sắc của áo. - Màu sắc: Áo màu trắng, quần màu trắng cùng màu với áo. - In logo Bệnh viện trên áo. - Quy cách may theo quy định của Bộ Y tế. May theo số đo của từng người.	
5	Đầm điều dưỡng nữ	Bộ	09	- Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m²): 251.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 464 ±2 + Ngang: 341 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 835 ±2 + Ngang: Sợi Filament, không có xoắn - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 84.0 ±2 + Ngang: 147.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) + Polyester: 75.0 ±2 + Rayon: 23.0 ±2 + Spandex: 2.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -0.9 ± 0.5 + Ngang: -0.3 ± 0.5 - Quy cách: - Áo: áo liền váy cổ 2 ve, ngắn tay, chiều dài váy quá gối 5-10cm, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. - Mũ: Theo màu sắc, chất liệu của áo. - Màu sắc: Áo màu trắng - In logo Bệnh viện trên áo. - Quy cách may theo quy định của Bộ Y tế. May theo số đo của từng người.	

2

6	Áo Dược sĩ nam nữ	Cái	16	- Chất liệu: Áo: Cotton hoặc Kate hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m²): 244.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 471 ±2 + Ngang: 229 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 618 ±2 + Ngang: 609 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 38.0 ±2 + Ngang: 46.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) + Polyester: 63.0 ±2 + Cotton: 37.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -1.6 ± 0.5 + Ngang: -0.1 ± 0.5 Quy cách: - Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. - In logo Bệnh viện Quy cách may theo quy định của Bộ Y tế. May theo số đo của từng người.
7	Bộ quần áo mũ kỹ thuật viên nam, nữ	Bộ	19	- Chất liệu: Áo: Cotton hoặc Kate hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m²): 244.0 ±2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 471 ±2 + Ngang: 229 ±2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 618 ±2 + Ngang: 609 ±2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 38.0 ±2 + Ngang: 46.0 ±2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) + Polyester: 63.0 ±2 + Cotton: 37.0 ±2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%):

				+ Dọc: -1.6 ± 0.5 + Ngang: -0.1 ± 0.5 Quần: Kaki thun hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m²): 251.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 464 ± 2 + Ngang: 341 ± 2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 835 ± 2 + Ngang: Sợi Filament, không có xoắn - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 84.0 ± 2 + Ngang: 147.0 ± 2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) + Polyester: 75.0 ± 2 + Rayon: 23.0 ± 2 + Spandex: 2.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -0.9 ± 0.5 + Ngang: -0.3 ± 0.5 - Quy cách: - Áo: áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. - Quần: quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ: Theo màu sắc của áo. - Màu sắc: Màu trắng. - In logo Bệnh viện trên ngực trái. Quy cách may theo quy định của Bộ Y tế. May theo số đo của từng người.	
8	Bộ quần áo mũ hộ lý nam nữ	Bộ	22	- Chất liệu: Áo: Cotton hoặc Kate hoặc tương đương (màu xanh hòa bình) - Khối lượng vải (g/m²): 153.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 429 ± 2 + Ngang: 211 ± 2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 620 ± 2 + Ngang: 626 ± 2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 37.0 ± 2	

				+ Ngang: 35.0 ± 2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) + Polyester: 64.0 ± 2 + Cotton: 36.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -1.2 ± 0.5 + Ngang: 0.0 ± 0.5 Quần: Kate hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m²): 153.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 429 ± 2 + Ngang: 211 ± 2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 620 ± 2 + Ngang: 626 ± 2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 37.0 ± 2 + Ngang: 35.0 ± 2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%) + Polyester: 64.0 ± 2 + Cotton: 36.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -1.2 ± 0.5 + Ngang: 0.0 ± 0.5 - Quy cách: - Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Mũ: Theo màu sắc, chất liệu của áo. - Màu sắc: Áo, quần màu xanh da trời - In logo Bệnh viện trên áo. - Quy cách may theo quy định của Bộ Y tế. May theo số đo của từng người. - Chất liệu:	
9	Áo Khối Hành chính nam, nữ	Cái	52	Áo: Cotton hoặc Kate hoặc tương đương - Khối lượng vải (g/m²): 117.0 ± 2 - Mật độ vải (sợi/10cm): + Dọc: 281 ± 2 + Ngang: 249 ± 2 - Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M): + Dọc: 584 ± 2	

				+ Ngang: 781 ± 2 - Độ bền xé rách (N): + Dọc: 19.0 ± 2 + Ngang: 11.0 ± 2 - Định tính và định lượng nguyên liệu (%): + Polyester: 83.0 ± 2 + Rayon: 17.0 ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%): + Dọc: -3.5 ± 2 + Ngang: -4.7 ± 2 - Quy cách: - Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, ngắn tay. - Màu sắc: + Áo: xanh da trời - In logo Bệnh viện trên áo. - Quy cách may theo quy định của Bộ Y tế. May theo số đo của từng người.	
--	--	--	--	--	--

